

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2020

Số: **977/2020/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 48, Điểm b Khoản 1 Điều 192, Điểm g Khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2014, nguyên đơn ông Trần Khắc V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 59-29, 56-30 tờ bản đồ số 04, tổng diện tích 458,96m² tại ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H và thửa số 1550, 1551, 1698 tờ bản đồ số 5 tổng diện tích là 11.350m² tại xã P, huyện C, tỉnh L theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản làm việc ngày 19/11/2019, nguyên đơn ông Trần Khắc V xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: *“Yêu cầu công nhận thửa đất số 56-29, 56-30, tờ bản đồ số 4, diện tích 485,96m² tại xã K, huyện C, Thành phố H thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị N và chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của ông G và bà N; Yêu cầu công nhận thửa đất số 1150, thửa đất số 1151, thửa đất số 1698 tờ bản đồ số 05 xã P, huyện C, tỉnh L thuộc quyền sở hữu của ông Tô Văn G và bà Trần Thị N và chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của ông G và bà N”*. Tại buổi làm việc này, Tòa án có giải thích trường hợp ông V có sửa đổi, bổ sung đơn kiện phải có đơn gửi đến Tòa án theo đúng quy định và ông V cam kết chậm nhất ngày 22/11/2019 sẽ nộp cho Tòa án. Tuy nhiên sau đó ông V cũng không nộp lại đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông.

- Ngày 05/2/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 253 yêu cầu ông Trần Khắc V cung cấp chứng cứ cụ thể là bản đồ hiện trạng vị trí phần diện tích 485,9m² thuộc thửa đất số 59-29, 56-30, tờ bản đồ số 4, xã B, huyện C, Thành phố H và bản đồ hiện trạng phần diện tích 11.350m² thuộc thửa đất số 1150, 1151, 1698 tờ bản đồ số 05 xã P, huyện C, tỉnh L để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tại buổi làm việc ngày 13/2/2020, ông V xác định lại yêu cầu khởi kiện: *“Yêu cầu công nhận thửa đất số 56-29, 56-30, tờ bản đồ số 4, diện tích 485,96m² tại xã B, huyện C, Thành phố H thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Chích và bà Trần Thị N và chia di sản thừa kế là thửa đất số 56-29, 56-30, tờ bản đồ số 4, diện tích 485,96m² tại xã B, huyện C, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C vào ngày 22/9/2003 cho các đồng thừa kế bà Trần Thị N; Yêu cầu công nhận phần diện tích 11.350 m² thuộc thửa đất số 1150,*

1151, 1698 tờ bản đồ số 05 xã P, huyện C, tỉnh L thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị N và chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế các đồng thừa kế bà Trần Thị N; Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế của bà N và nguyên đơn xin nhận hiện vật là đất”. Cũng tại biên bản làm việc này, ông Vũ cam kết ngày 22/2/2020 sẽ cung cấp cho Tòa án đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và có đơn yêu cầu Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H –Chi nhánh C thực hiện việc đo vẽ hiện trạng tài sản đang tranh chấp. Ngày 18/3/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 1581 gửi Công ty TNHH Đo đạc nhà đất H –Chi nhánh C để yêu cầu đo vẽ hiện trạng phần tài sản các bên đang tranh chấp. Tuy nhiên sau đó ông V không liên hệ Công ty để thực hiện việc đo vẽ theo yêu cầu của Tòa.

- Ngày 20/5/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 4522/2020/QĐ-YCCCCC yêu cầu ông Vũ cung cấp bản đồ hiện trạng vị trí phần diện tích 485,9m² thuộc thửa đất số 59-29, 56-30, tờ bản đồ số 4, xã B, huyện G, Thành phố H và bản đồ hiện trạng phần diện tích 11.350m² thuộc thửa đất số 1150, 1151, 1698 tờ bản đồ số 05 xã P, huyện C, tỉnh L. Ngày 02/6/2020, ông V nhận được quyết định trên nhưng đến nay vẫn không cung cấp các tài liệu, chứng cứ trên cho Tòa.

Xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Khắc V chưa xác định rõ yêu cầu khởi kiện của mình, không sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định; chưa cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện (không cung cấp bản vẽ hiện trạng vị trí phần diện tích 11.350m² thuộc thửa đất số 1150, 1151 và 1698 tờ bản đồ số 05 xã P, huyện C, tỉnh L; Bản vẽ hiện trạng vị trí phần nhà đất diện tích 485,96m² thuộc thửa đất số 56-29, 56-30, tờ bản đồ số 4, xã B, huyện C, Thành phố H; không liên hệ đến cơ quan đo vẽ để thực hiện việc đo vẽ theo yêu cầu của Tòa án....mặc dù đã được Tòa án thông báo nhiều lần để giải quyết các yêu cầu trên. Do đó, nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 192, Điểm g Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 269/2014/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2014 về việc “Tranh chấp thừa kế” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Khắc V

Địa chỉ: 199 B, Phường A, Quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Q, bà Nguyễn Thị V

Địa chỉ: 144 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị B

Địa chỉ: 05 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.2. Bà Trần Thị Kim M

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.3. Bà Trần Thị Kim P

3.4. Ông Trần Văn L

Cùng địa chỉ: 05 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.5. Bà Trần Thị Kim L

Địa chỉ: 708 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.6. Ông Trần Văn Đ

Địa chỉ: 346 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.7. Ông Trần Văn Đ

Địa chỉ: 379 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.8. Bà Trần Thị Kim D

Địa chỉ: 108/14 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.9. Bà Trần Thị Kim M

Đại diện ủy quyền của bà B, bà M, bà B, bà M, bà P, ông L, bà L, ông Đ, ông Đ, bà D: Ông Trần Văn T

Địa chỉ: 05 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.10. Bà Trần Thị Kim B

Địa chỉ: 708 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.11. Bà Tô Thị H

Địa chỉ: Tổ 2, Khóm 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

3.12. Ông Trần Văn L

Địa chỉ: 422 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.13. Ông Trần Văn T

Địa chỉ: 05 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.14. Bà Trần Thị Kim H

Địa chỉ: 17 tổ 19, Ấp 9, xã T, huyện Đ, tỉnh B

3.15. Bà Trần Thị Kim T

Địa chỉ: 1096 Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

Đại diện ủy quyền: Ông Trần Văn T

Địa chỉ: 5 Ấp B, xã K, huyện C, Tp. H.

3.16. Bà Tô Thị N

Địa chỉ: 585 P, Phường B, Quận C, Thành phố H.

3.17. Bà Tô Thị N

Địa chỉ: 583/5 P, Phường B, Quận C, Thành phố H.

3.18. Bà Trần Thị Vũ V

3.19. Bà Nguyễn Thị X

Cùng địa chỉ: 189 đường B, Phường D, Quận G, Thành phố H.

3.20. Bà Nguyễn Thị Lan P

3.21. Bà Nguyễn Thị Phương N

3.22. Ông Nguyễn Phương Đ

3.23. Ông Nguyễn Văn T

3.24. Bà Nguyễn Thị U

3.25. Nguyễn Thị Tây T

3.26. Nguyễn Tây Đ

Cùng địa chỉ: 144 Ấp B, tổ 21, xã B, huyện C, Thành phố H.

3.27. Bà Nguyễn Thị Kim T

Địa chỉ: 01 K C Brook NJ 07663, USA.

Đại diện ủy quyền: Bà Đỗ Thị Kim T

Địa chỉ: 1096 Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

3.28. Bà Nguyễn Thị Kim T

Địa chỉ: 145 Ấp B, xã K, huyện C, Thành phố H.

3.29. Bà Nguyễn Thị Kim T

Địa chỉ: 623 Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố H.

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

a. Ông Trần Khắc V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07301 ngày 12/8/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Ông Trần Khắc V được quyền khởi kiện lại khi có đủ điều kiện khởi kiện.

III. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dung